BÀI 21

TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN CHỨNG MINH

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG
(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Tìm hiểu chung về phép lập luận chứng minh :

- Chứng minh trong đời sống :

Lập luận chứng minh dùng sự thật (chứng cứ xác thực) để chứng tỏ một ý kiến nào đó là chân thực.

- Chứng minh trong văn bản nghị luận :

Phép lập luận cchứng minh là dùng lí lẽ,bằng chứng chân thực, đã được thừa nhận để chứng tỏ luận điểm mới (cần chứng minh) là đáng tin cậy.

Các lí lẽ bằng chứng phải được lựa chọn, thẩm tra, phân tích thì mới có sức thuyết phục.

2. Các bước làm bài văn lập luận chứng minh :

Đề : Nhân dân ta thường nói " có chí thì nên" . Hãy chứng minh tính đúng đắn của câu tục ngữ đó.

1. Tìm hiểu đề, tìm ý :
2. Lập dàn ý :

(SGK)

3. Viết bài :

a. Mở bài : (SGK)

b. Thân bài :

c. Kết bài :

4. Đọc lại và sửa chữa :

Bài học :

* Các bước làm bài văn CM :

- Tìm hiểu đề, lập ý : Tìm vấn đề cần CM (tức) là tìm luận điểm tổng quát. Trên cơ sở đó để xác định các luận điểm và sắp xếp ý thành 1 dàn bài.
- Lập dàn bài
- Viết bài văn nghị luận CM
- Đọc lại và sửa chữa bài

* Bố cục của bài văn lập luận CM :

- MB : Nêu luận điểm cần được CM
- TB : Nêu lí lẽ và dẫn chứng để chứng tỏ luận điểm là đúng đắn.
- KB : Nêu ý nghĩa của luận điểm đã được CM. Chú ý lời văn kết bài hô ứng với MB

* Các đoạn trong bài phải liên kết chặt chẽ qua các hình thức chuyển tiếp ý.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

(các em tự làm)

*** Câu hỏi :**

- Thế nào là phép lập luận chứng minh ? Em rút ra được kinh nghiệm (bài học) gì khi lấy (luận cứ) đãn chứng để chứng minh ?

*** Yêu cầu:**

- Hiểu thế nào là phép lập luận chứng minh. YC dẫn chứng trong văn chứng minh.
- Tìm đọc các văn bản chứng minh. Tự tìm ra trong cách lập luận cái hay, đặc sắc, học tập và rèn luyện khả năng làm văn của bản thân.

BÀI 22

ĐỨC TÍNH GIẢN DỊ CỦA BÁC HỒ

(Phạm Văn Đồng)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG
(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản

a.Tác giả :

Phạm Văn Đồng (1906 - 2000) , quê Quảng Ngãi, nhà văn, nhà CM nổi tiếng.

b. Văn bản :

Trích trong CT HCM, tinh hoa khí phách dân tộc, lương tâm thời đại (1970).

c. Thể loại :

Thể loại : nghị luận chứng minh.

d. Bố cục : 2 phần.

+ Phần 1 : từ đầu → tuyệt đẹp => Nhận xét chung về đức tính giản dị của Bác.
+ Phần 2 : còn lại => Chứng minh những phương diện của đức tính giản dị của Bác.

2. Tìm hiểu văn bản :

a. Nhận xét chung về đức tính giản dị của Bác Hồ :

- Luận điểm : Sự nhất quán giữa cuộc đời cách mạng và cuộc sống giản dị, thanh bạch ở Bác Hồ.

b. Chứng minh những phương diện đức tính giản dị của Bác :

- Trong đời sống :

+ Bữa cơm : chỉ có vài món rất đơn giản…xếp tươm tất.
+ Cái nhà sàn : vẻn vẹn chỉ có vài ba phòng…của hoa vườn.
=> Chọn lọc, tiêu biểu, giản dị, đời thường, thuyết phục,…

- Trong quan hệ với mọi người :

+ Viết bức thư cho một đồng chí.
+ Nói chuyện với các cháu miền Nam.
+ Đi thăm nhà tập thể của công nhân.
→ Liệt kê, tiêu biểu
=> Bác trân trọng, tỉ mỉ, yêu quý tất cả mọi người.

- Trong lời nói và bài viết :

+ Không có gì quý hơn độc lập, tự do.

+ Nước Việt Nam là một,… thay đổi.
→ Câu nói nổi tiếng, dễ thuộc, dễ nhớ.
*** Nghệ thuật :**
- Dẫn chứng cụ thể, lí lẽ bình luận sâu sắc, có sức thuyết phục.
- Lập luận theo trình tự hợp lí.
*** Nội dung :**
- Ca ngợi phẩm chất cao đẹp, đức tính giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
- Bài học về việc học tập, rèn luyện noi theo tấm gương của Chủ tịch Hồ Chí Minh.
*** Câu hỏi :**
- Vì sao tác giả nói đời sống của Bác thực sự là văn minh ?
(Phong phú, cao đẹp về tinh thần, tình cảm không phải là khăc khổ ẩn dật, không màng đến vật chất, không vì cá nhân mình).
- Em rút ra bài học gì qua văn bản ?
+ Gương giản dị
+ Nghệ thuật lập luận chứng minh.
*** Hướng dẫn :**
- Nắm vững nội dung, nghệ thuật của văn bản.
- Học tập cách sống của Bác vào đời sống
- Vận dụng PP lập luận CM của tác giả vào thực hành làm văn.

3. Chuyển đổi câ chủ động thành câu bị động
a. Câu chủ động và câu bị động :
- Tìm hiểu ví dụ SGK:
- Nhận xét:
- Câu chủ động : Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật thực hiện một hoạt động hướng vào người, vật khác (chỉ chủ thể của hoạt động).
- Câu bị động : Là câu có chủ ngữ chỉ người, vật được hoạt động của người, vật khác hướng vào (chỉ đối tượng của hoạt động).
b. Mục đích của việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động :
a. Tìm hiểu ví dụ SGK:
b. Nhận xét:
- Việc chuyển đổi câu chủ động thành câu bị động (và ngược lại, chuyển đổi câu bị động thành câu chủ động) ở mỗi đoạn văn đều nhằm liên kết các câu trong đoạn thành một mạch thống nhất.
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP
(các em tự làm)
D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG
(các em tự làm)
E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG
(các em tự làm)

BÀI 23

Ý NGHĨA VĂN CHƯƠNG

(Hoài Thanh)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản

a. Tác giả :

Hoài thanh (1909-1982), quê Nghệ An tên thật là Nguyễn Đức Nguyên là nhà phê bình văn học.

b. Văn bản :

- XX : Trong bình luận văn chương (1988)
- Thể loại : Nghị luận văn chương.

c. Bố cục : 2 phần.

+ P 1: Từ đầu đến " muôn loài" => Nguồn gốc cốt yếu của văn chương.

+ P2 : còn lại =>Ý nghĩa và công dụng của văn chương.

2. Tìm hiểu văn bản :

a.Nguồn gốc của văn chương :

- Nguồn gốc cốt yếu của văn chương là lòng thương người và rộng ra thương cả muôn vật, muôn loài.

b. Nội dung nhiệm vụ của văn chương

- Văn chương phản ánh mọi mặt cuộc sống
- Văn chương dự đoán tương lai, gợi niềm tin vào tương lai

-> Văn chương là hình ảnh của sự sống muôn hình vạn trạng, văn chương còn sáng tạo ra sự sống...

c. Công dụng của văn chương :

- Văn chương giúp cho ta tình cảm, gợi lòng vị tha.

" Một người... hay sao"

- Văn chương gây cho ta tình cảm ta không có, luyện những tình cảm ta sẵn có.

" Cuộc đời phù phiếm... quá đáng".

- Đời sống tinh thần của nhân loại sẽ rất nghèo nàn nếu thiếu văn chương.

*** Nghệ thuật :**

- Luận điểm rõ ràng, luận chứng minh bạch đầy sức thuyết phục.
- Dẫn chứng đa dạng...
- Lời văn giản dị, giàu hình ảnh, cảm xúc.

*** Nội dung :**

- Văn bản thể hiện quan niệm sâu sắc của nhà văn về văn chương.

*** Câu hỏi:**

- Trong cuộc sống văn chương có những ảnh hưởng đến em như thế nào ? Từ đó cho thấy tác dụng, ý nghĩa của văn chương ?

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

(các em tự làm)

BÀI 24

ÔN TẬP VĂN BẢN NGHỊ LUẬN – MỞ RỘNG CÂU

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

1. Lập bảng thống kê :

Stt	Tên bài	Tác giả	Đề tài nghị luận	Luận điểm chính	PP lập luận
1	Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	Hồ Chí Minh	Tinh thần yêu nước của dân tộc Việt Nam	- Dân tộc ta có một lòng nồng nàng yêu nước - Đó là một truyền thống của ta.	Chứng minh
2	Sự giàu đẹp của tiếng Việt	Đặng Thai Mai	Sự giàu đẹp của tiếng việt	Tiếng việt có những nét đặc sắc của một thứ tiếng đẹp, một thứ tiếng hay.	Chứng minh kết hợp giải thích
3	Đức tính giản dị của Bác Hồ	Phạm Văn Đồng	Đức tính giản dị của Hồ Chí Minh.	- Sự giản dị trong mọi phương diện của đời sống : Bữa ăn , đồ dùng , cái nhà ,lối sống trong quan hệ với mọi người,lời ăn tiếng nói ,bài viết.	Chứng minh kết hợp giải thích và bình luận.
4	Ý nghĩa văn chương	Hoài Thanh	Nguồn gốc và ý nghĩa văn chương đối với cuộc sống của con người .	- Thể hiện đời sống tinh thần phong phú của Bác. - Nguồn gốc của văn chương là ở tình thương người ,thương muôn loài, muôn vật. - Văn chương hình dung ra sáng tạo ra sự sống . - Văn chương rèn luyện bồi dưỡng tình cảm cho người đọc.	Chứng minh kết hợp giải thích và bình luận

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. VĂN NGHỊ LUẬN

Những đặc sắc nghệ thuật của 4 văn bản trên :

Tên bài	Đặc sắc nghệ thuật
Tinh thần yêu nước của nhân dân ta	- Bố cục chặc chẽ ,mạch lạc. - Dẫn chứng toàn diên,chọn lọc ,tiêu biểu và sắp xếp theo trình tự thời gian lịch sử khoa học hợp lý .
Sự giàu đẹp của tiếng Việt	- Kết hợp chứng minh với giải thích ngắn gọn. - Luận cứ và luận chứng xác đáng toàn diện phong phú chặt chẽ .
Đức tính giải dị của Bác Hồ	- Kết hợp chứng minh,giải thích và bình luận ngắn gọn. - Dẫn chứng cụ thể toàn diện đầy sức thuyết phục . - Lời văn thuyết phục tràn đầy nhiệt huyết ,cảm xúc.
Ý nghĩa văn chương	- Kết hợp chứng minh, giải thích bình luận ngắn gọn - Trình bày vấn đề phức tạp một cách dung dị ,dể hiểu. - Lời văn giàu cảm xúc hình ảnh .

a.Các yếu tố có trong thể loại :

TT	Thể loại	Yếu tố chủ yếu	Tên bài ,ví dụ
1	Truyện	- Cốt truyện - Nhân vật - Nhân vật kể chuyện.	- Dế mèn phiêu lưu ký. - Buổi học cuối cùng . - Cây tre Việt Nam.
2	Ký	- Nhân vật - Nhân vật kể chuyện	
3	Thơ tự sự	- Cốt truyện - Nhân vật - Nhân vật kể chuyện - Vần nhịp.	
4	Thơ trữ tình	- Vần nhịp, nhân vật	
5	Nghị luận	- Luận cứ. - Luận điểm .	- Tinh thần yêu nước củat nhân dân ta . - Sự giàu đẹp của tiếng việt - Đức tính giản dị của Bác Hồ - Ý nghĩa văn chương .

b. Sự khác nhau giữa văn nghị luận và tự sự trữ tình :

- Tự sự : Dùng phương thức miêu tả ,kể nhằm tái hiện sự vật hiện tượng,con người câu chuyện.

- Trữ tình : Thơ trữ tình ,tuỳ bút chủ yếu dùng phương thưc biểu cảm để biểu hiện tình cảm cảm xúc qua các hình ảnh ,nhịp điệu vần điệu .

- Tự sự và trữ tình tập trung xây dựng các hình tượng nghệ thuật nhân vật hiện tượng thiên nhiên đồ vật .

- Nghị luận : Dùng phương thức lập luận bằng lý lẽ ,dẫn chứng để trình bày ý kiến, tư tưởng nhằm thuyết phục người đọc, người nghe về mặt nhận thức. Văn nghị luận cũng có tình cảm cảm xúc nhưng nghị luận luận điểm, luận cứ chặt chẽ, xác đáng.

- Vậy hãy tóm tắt đặc điểm văn bản nghị luận ?

* Bài học :

- Nghị luận là hình thức hoạt động ngôn ngữ phổ biến trong đời sống và giao tiếp của người để nêu ý kiến đánh giá, nhận xét, bàn luân về các hiện tượng, sự vật, vấn đề xã hội, tác phẩm nghệ thuật...

- Văn nghị luận phân biệt với các thể loại tự sự, trữ tình chủ yếu ở chỗ nghị luận dùng lí lẽ, dẫn chứng và bằng cách lập luận nhằm thuyết phục nhận thức của người đọc. Bài văn NL nào cũng có đối tượng (hay đề tài) NL, các luận điểm, luận cứ và lập luận. Các PP LL chính thường gặp là CM và giải thích.

- Lập bảng với các nội dung : Tên VB, tác giả, đề tài nghị luận, luận điểm chính, PPLL.

2. DÙNG CỤM CHỦ -VI ĐỂ MỞ RỘNG CÂU

- Tìm cụm danh từ trong câu trên ?

- Ta / không có
C V

- Ta / sẵn có
C V

- Phân tích cấu tạo của cụm danh từ vừa tìm? Phân tích cấu tạo của cụm phụ ngữ trong cụm danh từ ? Cụm chủ vị đó có tác dụng gì ?

Phụ ngữ trước	DT trung tâm	Phụ ngữ sau
Những	Tình cảm	Ta không có C V
Những	Tình cảm	Ta\ sẵn có C V

VD : Con / mèo chạy làm dổ lọ hoa.

Vd : Tôi rất thích cuốn sách bạn / mai tặng.

- Khi nói hoặc viết , có thể dùng những cụm từ có hình thức giống câu đơn bình thường, gọi là cụm chủ - vị, làm thành phần của câu hoặc của cụm từ để mở rộng câu.

*Các trường hợp dùng cụm chủ vị để mở rộng câu :

- Các thành phần câu như chủ ngữ, vị ngữ và các phụ ngữ trong cụm danh từ, cụm động từ, cụm tính từ đều có thể được cấu tạo bằng cụm chủ ngữ.

Ví dụ:

a. Chị ba / đến khiến tôi\ rất vui và vững tâm.
C V C V

b. Khi bắt đầu kháng chiến, nhân dân ta tinh thần\ rất hăng hái.
C V C (C V)V

c. Chúng ta có thể nói rằng trời\ sinh lá sen để bao bọc cốm, cũng
C V

như trời\ sinh cốm nằm ủ trong lá sen.
C V

d. ……Cách mạng tháng tám\ thành công.
C V
a. Làm chủ ngữ và phụ ngữ trong cụm động từ.(Khiến)
b. Làm vị ngữ.
c. Làm phụ ngữ trong cụm động từ(Nói)
d. Phụ ngữ trong cụm danh từ.

3. TÌM HIỂU CHUNG VỀ PHÉP LẬP LUẬN GIẢI THÍCH

a. Giải thích lòng khiêm tốn
- MB : " Lòng khiêm tốn.. sự vật": -> Nêu vấn đề cần giải thích bằng cách nêu định nghĩa.
- TB : - Đoạn 1: Nhấn mạnh vai trò giá trị của khiêm tốn và con người khiêm tốn.(chỉ dùng lí lẽ -> không dùng dẫn chứng) (đoạn chuyển MB -> TB)
Đ 2: (luận cứ 1): Định nghĩa khiêm tốn, người ko khiêm tốn -> dùng lí lẽ.
Đ 3: Liệt kê những biểu hiện của người khiêm tốn.
Đ 4: (luận cứ 2): lí do tại sao con người phải khiêm tốn.
- KB: Khẳng định những gì đã giải thích trên, đồng thời nhấn mạnh ý nghĩa toàn diện của con người khiêm tốn.
- Định nghĩa khiêm tốn
- Biểu hiện của người khiêm tốn
- Lí do tại sao con người phải khiêm tốn.
- Nhằm nâng cao trí tuệ con người…..
- Phép lập luận giải thích là làm cho người đọc hiểu rõ các tư tưởng , đạo lí, phẩm chất… cần được giải thích nhằm nâng cao nhận thức, trí tuệ , bồi dưỡng tình cảm.
- Các phương pháp giải thích : nêu định nghĩa, kể ra các biểu hiện, so sánh , đối chiếu với các hiện tượng khác, chỉ ra các mặt lợi , hại , nguyên nhân, hậu quả của hiện tượng hoặc vấn đề được giải thích.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

(các em tự làm)

BÀI 25

GIẢI THÍCH MỘT VẤN ĐỀ

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1.Các bước làm bài văn lập luận giải thích :

Đề : nhân dân ta có câu tục ngữ " Đi một ngày đàng, học một sàng khôn".Hãy giải thìch câu tục ngữ đó .

a. Tìm hiểu đề và tìm ý :

- Thể loại : giải thích
- Nội dung : giải thích nội dung câu tục ngữ " Đi một ngày …
- Tìm vấn đề cần giải thích
(tức là tìm luận điểm tổng quát).Trên cơ sở đó để xác định các luận điểm và sắp xếp ý thành một dàn bài.
b. Lập dàn ý :
- MB : Nêu luận điểm cần được giải thích và gợi ra phương hướng cần giải thích.
- TB : Lần lượt trình bày các nội dung giải thích.
- KB : Nêu ý nghĩa của các vấn đềđược giải thích trong bài đối với mọi người.
c. Viết bài
- Các đoạn trong bài phải liên kết chặt chẽ qua các hình thức chuyển tiếp ý.
d. Đọc lại và sửa chữa :

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

(các em tự làm)

*** Câu hỏi :**

- YC các phần MB, TB, KB trong bài văn lập luận giải thích ?
- Em rút ra được kinh nghiệm gì khi viết bài văn lập luận giải thích ?

*** Yêu cầu:**

- Nắm vững hệ thống kiến thức về bài văn LL giải thích ddã học
- Vận dụng PP giải thích, cách làm bài LL giải tích đã học vào làm bài cụ thể.
- Từng bước rèn khả năng tập làm văn bằng cách :
+ Viết phần thanh bài cho cách MB thứ 2
+ Viết phần KB tương ứng

BÀI 26

SỐNG CHẾT MẶC BAY

(Phạm Duy Tốn)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản

a. Tác giả :

Phạm Duy Tốn (1833 – 1924), quê Hà Nội

b. Văn Bản :

- Xuất xứ :

Là truyện ngắn hiện đại đầu tiên của Việt Nam là một trong những truyện ngắn thành công nhất của Phạm Duy Tốn .

- Đọc và kể tóm tắt :

- **Thể loại :** Truyện ngắn hiện đại
- **Bố cục :**

Đoạn 1: Từ đầu -> khúc đê này hỏng mất => Nguy cơ đê vỡ và sự chống đỡ của người dân.

Đoạn 2 : Tiếp theo -> Điếu mày => Cảnh quan phủ cùng nha lại đánh tổ tôm trong khi đi hộ đê.

Đoạn 3 : Phần còn lại => Cảnh đê vỡ, nhân dân lâm vào tình cảnh thảm sầu.

2. Tìm hiểu văn bản :

*** Nguy cơ vỡ đê và sự chống đỡ của người dân** :

- Thời gian: gần 1h đêm
- Không gian : mưa tầm tã, nước sông lên to.
- Địa điểm : Khúc đê làng X thuộc phủ X núng thế, thẩm lậu.
- Không khí, cảnh tượng hộ đê : trống đánh liên thanh, ốc thổi liên hồi, tiếng người xao xác gọi nhau, hàng trăm nghìn người,….bì bõm dưới bùn lầy.

=> Tình thế căng thẳng, cấp bách đe dọa cuộc sống của người dân.

* Nghệ thuật :

- Tương phản : thiên nhiên - con người

+ Nước ngày một to.

+ Sức người mỗi lúc môt cạn.

- Tăng cấp : Mưa mỗi lúc một to, nước sông cứ cuồn cuộn bốc lên -> Tình thế ngày càng nguy cấp.
- Ngôn ngữ miêu tả :

+ Nhiều từ láy tượng hình (bì bõm, lướt thướt, xao xác, tầm tã, cuồn cuộn)

+ Kết hợp ngôn ngữ biểu cảm (than ôi, lo thay, nguy thay)

=> Thái độ lo lắng, đồng cảm, xót thương người dân trong cảnh hoạn nạn do thiên tai gây ra.

*** Cảnh quan lại, nha phủ đánh tổ tôm khi đi hộ đê :**

* Cảnh trong đình :

- Địa điểm : Trong đình, trên mặt đê, cao, vững chắc.
- Không khí, quang cảnh : đèn thắp sáng trưng, kẻ hầu, người hạ đi lại rộn ràng

=> Không khí tĩnh mịch, trang nghiêm.

***** Cảnh quan phụ mẫu đánh tổ tôm :

- Đồ dùng sinh hoạt : bát yến hấp đường phèn để trong khay khảm, tráp đồi mồi, trầu vàng, cau đậu, rễ tía, ống thuốc bạc, đồng hồ vàng, dao chuôi ngà
- Dáng ngồi : chễm chệ, tay trái dựa gối xếp, chân phải duỗi thẳng cho tên người nhà quỳ gãi…
- Cách nói : hách dịch

-> Cuộc sống quý phái, trái ngược với cuộc sống lầm than của nhân dân.

-> Oai vệ, có uy quyền với đám nha lại, lính lệ, sống quý phái, ham cờ bạc.

=> Thái độ lạnh nhạt, thờ ơ, vô lương tâm.

- Nghệ thuật tương phản, liệt kê, giọng văn châm biếm, mỉa mai thể hiện thái độ lên án, tố cáo của tác giả.

=> Tác giả vạch trần bản chất " Lòng lang dạ thú ", táng tận lương tâm của quan phủ trước sinh mạng của người dân -> giá trị hiện thực

c. Cảnh vỡ đê :

- Khắp mọi nơi nước tràn lênh láng, xoáy thành vực sâu nhà cửa trôi băng, lúa má ngập hết.
- Kẻ sống không chỗ ở... kể sao cho xiết!

=> Vừa gợi tả cảnh tượng lũ lụt do đê vỡ vừa tỏ lòng ai oán cảm thương của tác giả -> giá trị nhân đạo.

Nghệ thuật :

- Nghệ thuật tương phản, tăng cấp.
- Xây dựng nhân vật bằng nhiều hình thức ngôn ngữ nhất là đối thoại ngắn gọn.
- Lựa chọn ngôi kể khách quan, khắc họa chân dung nhân vật sinh động.

Nội dung :

- Phê phán, tố cáo thói vô trách nhiệm , vô lương tâm đến mức góp phần gây ra nạn lớn cho nhân dân của viên quan phụ mẫu - đại diện cho nhà cầm quyền thời Pháp thuộc ; đồng cảm, xót xa với tình cảnh thê thảm của nhân dân lao động do thiên tai và do thái độ vô trách nhiệm của kẻ cầm quyền gây nên.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

(các em tự làm)

BÀI 27

CA HUẾ TRÊN SÔNG HƯƠNG
(HS tự học)

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG
(HS tự tìm hiểu)

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

1. Đọc văn bản: (HS tự học)

2. Tìm hiểu văn bản : (HS tự học)

3. Tìm hiểu vế phép liệt kê

<u>a. Thế nào là phép liệt kê ?</u>

- Về cấu tạo : Các bộ phận in đậm này đều có cấu tạo giống nhau (đều là cụm danh từ)
- Ý nghĩa : Chúng cùng nói về những đồ vật được bầy biện chung quanh quan lớn.

- Tác dụng : diễn tả được đầy đủ, sâu sắc hơn sự xa hoa của quan phụ mẫu, sự việc vì vậy trở nên sinh động hơn.
- Liệt kê là sắp xếp nối tiếp hàng loạt từ hoặc cụm từ cùng loại để diễn tả được đầy đủ hơn, sâu sắc hơn những khía cạnh khác nhau của thực tế hay của tư tưởng , tình cảm.

b. Các kiểu liệt kê :

1. Xét theo cấu tạo :
- Liệt kê theo từng cặp.
- Liệt kê không theo từng cặp.
2. Xét theo ý nghĩa :
  - Liệt kê tăng tiến.
  - Liệt kê không tăng tiến.

3. TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN BẢN HÀNH CHÍNH

(Học sinh tự học)

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

(các em tự làm)

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

(các em tự làm)

E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG

(các em tự làm)